TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH** Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST Ngày 26 - 01 - 2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thanh Vy**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Xuân Thủy**

Bà **Nguyễn Thị Kim Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Nguyên Phượng**, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Phượng** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 691/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lê Thanh L**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 11/3 Quốc lộ X, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; CCCD số 072086010132; ngày cấp 21/9/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 7 đường T, Khu phố Y, phường L1, tỉnh Tây Ninh; CMND số: 290923917. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T chung sống và kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L1, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng lớn, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng

10/2025 đến nay. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Trần Hoàng Y, sinh ngày 26/6/2013, hiện đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Huỳnh Thanh T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L với bà Trần Huỳnh Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh L được ly hôn với bà Trần Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Giao con chung Lê Trần Hoàng Y, sinh ngày 26/6/2013 cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét

giải quyết.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông Lê Thanh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh L và bà Trần Huỳnh Thanh T chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L1, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

[2.2] Ông L trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện vợ chồng đã ly thân, không còn liên hệ, không có ai có ý muốn hàn gắn. Ông L yêu cầu được ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án làm việc cũng như không tham gia phiên toà, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Hoàng Y, sinh ngày 26/6/2013. Xét thấy cháu Yến hiện đang sống chung với ông L, cháu Y cũng có nguyện vọng sống với cha, do đó cần giao cháu Y cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Ghi nhận ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: ông L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L với bà Trần Huỳnh Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh L được ly hôn với bà Trần Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Giao con chung Lê Trần Hoàng Y, sinh ngày 26/6/2013 cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0009416 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 10 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Long Hoa;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Võ Thanh Vy